당당하고 자유로운 전남대人

전남대학교 CHONNAM NATIONAL UNIVERSITY

HƯỚNG DẪN TUYỂN SINH LỚP TIẾNG HÀN CHÍNH QUY

HỌC KỲ MÙA THU, ĐÔNG NĂM 2024

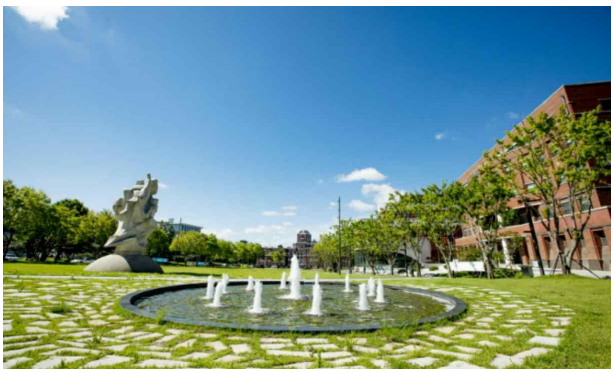

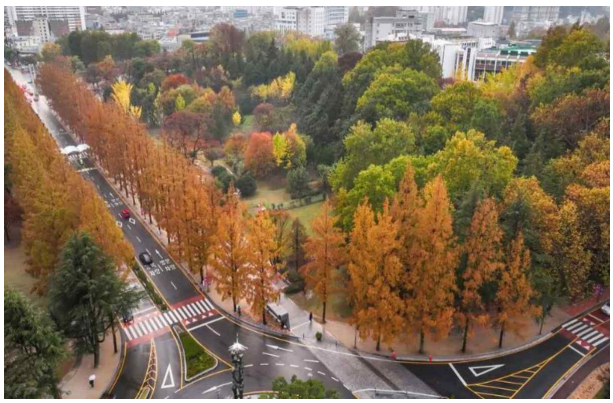

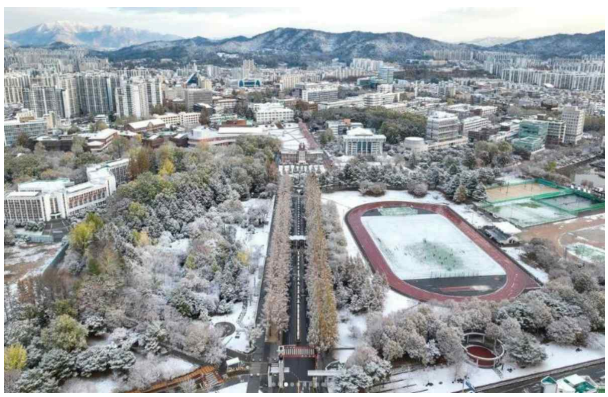

THÔNG TIN TƯ VẤN LỚP TIẾNG HÀN CHÍNH QUY

<TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGÔN NGỮ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA CHONNAM>

- **Học sinh Trung Quốc, Nhật Bản, Mông Cổ**: Số điện thoại: 062)530-3649, E-mail : a5178@jnu.ac.kr

- **Học sinh Việt Nam**: Số điện thoại: 062)530-3641, E-mail : jiwoolee89@jnu.ac.kr

- **Học sinh các quốc gia khác:** Số điện thoại: 062)530-3643, E-mail : nadiasue@jnu.ac.kr

- **Fax**: 062-530-3629 - **Trang web**: http://leckor.jnu.ac.kr

- **Địa chỉ:** (Mã Zip: 61186) phòng 213, G&R Hub, 77 Yongbong-ro, Buk-gu, Gwangju

TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGÔN NGỮ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA CHONNAM

MỤC LỤC

1. Lịch tổ chức lớp

2. Lịch tuyển sinh

3. Đối tượng tuyển sinh

4. Tài liệu chuẩn bị

5. Học phí

6. Yếu tố tuyển chọn

7. Quy trình đăng ký

8. Lưu ý dành cho ứng viên

Đính kèm mẫu đơn xin nhập học (1~4)

01 / Lịch tổ chức lớp

Học kỳ		Thời gian đào tạo
Năm2024	Kỳ thu	**2024. 09. 02. ~ 2024. 11. 15.**
	Kỳ đông	**2024. 11. 25. ~ 2025. 02. 07.**
Năm2025	Kỳ xuân	2025. 03. 04. ~ 2025. 05. 14.
	Kỳ hè	2025. 05. 26. ~ 2026. 08. 04.

※ Lịch tổ chức lớp có thể thay đổi, lịch thay đổi (nếu có) sẽ được thông báo trên website của Trung tâm Giáo dục Ngôn ngữ.
(Link website: http://leckor.jnu.ac.kr)

02 / Lịch tuyển sinh

Phân loại		Năm 2024	
		Học kỳ thu	Học kỳ đông
Thời gian nhận hồ sơ	Người đăng ký visa D4	2024.06.03.(thứ 2) ~2024.06.28.(thứ 6)	2024.08.05.(thứ 2) ~2024.09.13.(thứ 6)
	Người đã có visa (Không áp dụng với visa D4)	~ 2024.08.16.(thứ 6)	~ 2024.11.15.(thứ 6)
Thông báo kết quả trúng tuyển	Người đăng ký visa D4	2024.07.10.(thứ 4)	2024.09.30.(thứ 2)
Đăng ký cho ứng viên trúng tuyển		Hướng dẫn riêng cho các ứng viên trúng tuyển	
Gửi thông báo mời nhập học		Sau khi đóng học phí	
Khai giảng		2024.09.02. (thứ 2)	2024.11.25. (thứ 2)

※ Lịch tổ chức lớp có thể thay đổi, lịch thay đổi (nếu có) sẽ được thông báo trên website của Trung tâm Giáo dục Ngôn ngữ.
(Link website: http://leckor.jnu.ac.kr)

03 / Đối tượng tuyển sinh

- Học sinh ngoại quốc hoặc học sinh Hàn Quốc sống ở nước ngòai
- Học sinh đã tốt nghiệp THPT trở lên (dự kiến tốt nghiệp) hoặc có trình độ học vấn tương đương

04 / Tài liệu chuẩn bị * Các tài liệu phải được sắp xếp và nộp thep đúng thứ tự phía dưới

STT	Loại giấy tờ	Ghi chú
1	Đơn xin nhập học	* Tải và điền theo mẫu từ trang web của chúng tôi * Bao gồm bản Giới thiệu bản thân, Kế hoạch học tập, Đồng ý cho việc sử dụng và cung cấp thông tin cá nhân, Danh sách kiểm tra tài liệu
2	Bản sao hộ chiếu	* Hộ chiếu phải còn thời hạn hiệu lực (Những hộ chiếu có ngày hết hạn trước ngày nhập học cũng không thể sử dụng) * Đối với học sinh Uzbekistan phải nộp hộ chiếu đã từng sử dụng để xuất cảnh
Hộ	Giấy xác nhận số dư tài khoản ngân hàng (Đứng tên học sinh hoặc bố mẹ học sinh)	* Giấy Xác nhận số dư tài khoản ngân hàng từ 8,000,000won trở lên đứng tên người nộp đơn (tài khoản đóng băng trên 6 tháng) * Nếu giấy Xác nhận số dư tài khoản ngân hàng đứng tên bố mẹ, cần phải nộp thêm giấy xác minh quan hệ gia đình * Đối với học sinh Uzbekistan, phải nộp giấy chứng nhận số dư do Ngân hàng Hàn Quốc đặt tại Uzbekistan cấp.
4	Giấy chứng nhận trình độ học vấn gần nhất	***Bản gốc công chứng hợp pháp hóa, xác nhận lãnh sự Giấy chứng nhận tốt nghiệp** -Hồ sơ đã nộp sẽ không được trả lại, vì vậy văn bằng, bằng tốt nghiệp không thể cấp phát lại nên được nộp bằng bản photo có dấu chứng nhận hợp pháp hóa, dấu xác nhận của đại sứ quán -Chỉ những tài liệu được công chứng trong vòng 2 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ mới được chấp nhận -Đối với học sinh Trung Quốc, nộp bản sao Báo cáo chứng nhận học thuật và Bằng Tốt nghiệp
5	Bảng điểm học tập gần nhất	* Về nguyên tắc, nộp bản gốc kèm bản dịch tiếng Hàn hoặc tiếng Anh
6	Giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình và bản photo chứng minh thư của học sinh và bố mẹ	* Bản gốc công chứng giấy chứng nhận quan hệ gia đình có nêu rõ mối quan hệ, quốc tịch của người nộp đơn và cha mẹ. - Giấy chứng nhận quan hệ gia đình phải bao gồm nội dung chi tiết khai sinh * Tham khảo Tài liệu chứng minh quan hệ gia đình bên dưới
7	Giấy chứng nhận việc làm và giấy chứng nhận thu nhập của bố mẹ	* Bản gốc giấy chứng nhận việc làm và giấy chứng nhận thu nhập, bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh - Số điện thoại và địa chỉ công ty phải được ghi trên giấy chứng nhận việc làm và giấy chứng nhận thu nhập. * Trường hợp người làm việc trong ngành nông nghiệp, thủy sản, nộp giấy chứng nhận từ cơ quan địa phương cư trú
8	Hình chứng minh, 2 tấm	* Ảnh nền trắng, nhìn rõ lông mày và tai *** Kích thước ảnh: 3.5 * 4.5cm**
-	Giấy tờ chứng minh việc đi học, làm việc, kinh nghiệm	* Áp dụng đối với các học sinh tốt nghiệp cách đây trên 1 năm - Phải nộp bản gốc giấy tờ có thể chứng minh về khoảng thời gian trống (sau khi tốt nghiệp) * Thông tin liên lạc và địa chỉ của cơ quan chứng nhận phải được ghi rõ
-	Bản sao thẻ đăng ký người nước ngoài	* Áp dụng cho người nước ngoài cư trú tại Hàn Quốc

※ Tùy theo trường hợp có xin visa hay không mà tài liệu cần nộp sẽ khác nhau, vì thế người đã có visa

(không xin visa D4) nên tư vấn với giáo viên phụ trách để nắm rõ các tài liệu cần nộp.

※ **Trường hợp không thể cấp phát lại bản gốc hoặc tài liệu được in dưới dạng các ngôn ngữ khác ngoài tiếng Hàn và tiếng Anh:**

Dịch sang tiếng Hàn hoặc tiếng Anh → **Công chứng hoặc hợp pháp hóa lãnh sự bản dịch** → **Nộp bản gốc công chứng**

✔ (Tham khảo) Thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự

- Tài liệu công (trường quốc gia/công lập, v.v.)

Cấp phát tài liệu công tại quốc gia bạn ▶ Đến cơ quan cấp dấu hợp pháp hóa lãnh sự ▶ Yêu cầu cấp dấu hợp pháp hóa lãnh sự ▶ Cơ quan cấp dấu hợp pháp hóa đánh giá tài liệu ▶ Cấp dấu hợp pháp hóa

- Tài liệu tư (trường tư v.v.)

Cấp phát tài liệu tư tại quốc gia bạn ▶ Công chứng tại văn phòng công chứng ở quốc gia bạn ▶ Đến cơ quan cấp dấu hợp pháp hóa lãnh sự ▶ Yêu cầu cấp dấu hợp pháp hóa lãnh sự ▶ Cơ quan cấp dấu hợp pháp hóa đánh giá tài liệu ▶ Cấp dấu hợp pháp hóa

※ Trường hợp của các tài liệu tư, tùy theo luật công chứng và các luật liên quan mà thủ tục có sự khác biệt, tuy nhiên thông thường sau khi nhận được dấu công chứng thì có thể nhận được xác nhận hợp pháp hóa lãnh sự.

✔ (Tham khảo) Danh sách các quốc gia thành viên hợp pháp hóa lãnh sự

(dựa theo thông tin công bố 11.01.2024)

Khu vực	Quốc gia/khu vực
Châu Á, Châu Đại Dương	New Zealand, Niue, Quần đảo Marshall, Mauritius, Mông Cổ, Vanuatu, Brunei, Samoa, Singapore, Úc (Úc), Ấn Độ, Indonesia, Nhật Bản, Trung Quốc (bao gồm Ma Cao và Hồng Kông), Quần đảo Cook, Tajikistan, Tonga, Pakistan, Palau , Fiji. , Philippines, Hàn Quốc
Châu Âu	Hy Lạp, Hà Lan, Na Uy, Đan Mạch, Đức, Latvia, Nga, Romania, Luxembourg, Litva, Liechtenstein, Bắc Macedonia, Monaco, Montenegro, Moldova, Malta, Bỉ, Belarus, Bosnia và Herzegovina, Bulgaria, San Marino, Serbia, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha, Slovakia, Slovenia, Armenia, Iceland, Ireland, Azerbaijan, Andorra, Albania, Estonia, Vương quốc Anh, Áo, Uzbekistan, Ukraina, Ý, Georgia, Cộng hòa Séc, Kazakhstan, Kosovo, Croatia, Kyrgyzstan, Síp, Turkye, Bồ Đào Nha, Ba Lan, Pháp, Phần Lan, Hungary
Bắc Mỹ	Hoa Kỳ (bao gồm Guam, Quần đảo Maury, Saipan, Puerto Rico), Canada

Trung Nam Mỹ	Guyana, Guatemala, Granada, Nicaragua, Cộng hòa Dominica, Cộng hòa Dominica, Mexico, Barbados, Bahamas, Venezuela, Belize, Bolivia, Brazil, Saint Lucia, Saint Vincent, Saint Kitts và Nevis, Suriname, Argentina, Antigua và Barbuda, Ecuador, El Salvador, Honduras, Uruguay, Chile, Costa Rica, Colombia, Trinidad và Tobago, Panama, Peru, Paraguay, Jamaica
Trung Đông và Châu Phi	Namibia, Nam Phi, Liberia, Lesotho, Malawi, Botswana, Sao Tome và Principe, Senegal, Seychelles, Eswatini, Cape Verde, Burundi, Tunisia

✔ (Tham khảo) Tài liệu xác minh trình độ học vấn cuối cùng

<table>
<tr><th>Quốc gia</th><th colspan="2">Phân loại</th><th>Tài liệu nộp bổ sung</th></tr>
<tr><td rowspan="3">Trung Quốc</td><td colspan="2">Trường THPT thường và Đại học</td><td>Giấy xác nhận trình độ học lực từ trung tâm xác nhận học lực, học vị của Bộ Giáo dục Trung Quốc www.chsi.com.cn, www.cdgdc.edu.cn)</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Trường nghề</td><td>Trường trung cấp nghề thông thường, Trường dạy nghề, Trường chuyên môn nghề</td><td>1. Cấp phát online
- Giấy xác nhận tốt nghiệp do cơ quan giáo dục địa phương cấp (có thể xác minh online giấy tờ giả/thật): xác nhận lãnh sự
2. Cấp phát bằng văn bản giấy tờ
- Điền và nộp mẫu xác nhận thông tin trường học (mẫu riêng)
- Giấy xác nhận tốt nghiệp do cơ quan giáo dục địa phương cấp: xác nhận lãnh sự
- Giấy xác nhận tốt nghiệp do trường cấp: Sau khi được xác nhận từ Phòng Giáo dục Tỉnh (Cục Giáo dục Thành phố), tiến hành xác nhận lãnh sự</td></tr>
<tr><td>Trường kỹ thuật công nghiệp</td><td>Chứng nhận xác nhận lãnh sự bản xác nhận online từ website thông báo Bộ Nhân lực và An sinh xã hội ((www.mohrss.gov.cn/). Nghĩa là chỉ những trường hợp xác nhận được tính hợp pháp trực tuyến mới được công nhận</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Các quốc gia khác</td><td colspan="2">Học sinh từ quốc gia thành viên cấp chứng nhận "Apostille" (Có thể xác nhận lãnh sự)</td><td>Tài liệu cần nộp: Bản gốc xác nhận lãnh sự Bằng tốt nghiệp (giấy xác nhận học vị)
Cơ quan cấp: Cơ quan được chính phủ chỉ định (Bộ Ngoại giao đối với trường hợp của Hàn Quốc)
* Thông tin về các tổ chức liên quan đến Apostille theo quốc gia: Tham khảo:
https://www.hcch.net/en/instruments/specialised-sections/apostille</td></tr>
<tr><td colspan="2">Học sinh từ nước chưa là thành viên cấp chứng nhận Apostille</td><td>Tài liệu cần nộp: Tài liệu xác nhận học lực được chứng nhận lãnh</td></tr>
</table>

		sự quán bản gốc 📫 Cơ quan cấp: Lãnh sự quán Hàn Quốc tại quốc gia sở tại, đại sứ quán Hàn Quốc hoặc cơ quan công vụ nước sở tại đặt tại Hàn Quốc

[Xác nhận lãnh sự] [Giấy biên nhận] [Chứng chỉ học lực, học vị Trung Quốc]

APOSTILLE
(Convention de la Haye du 5 Octobre 1961)
1. Country: REPUBLIC OF
This public document
2. has been signed by
3. acting in the capacity of NOTARY
4. bears the seal/stamp of
Certified
5. at 6. 20TH JUNE 2006
7. by
8. No. 7526 OF 2006
9. Seal/Stamp 10. Signature

✔ (Tham khảo) Giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình

Trong giấy từ chứng minh quan hệ gia đình, tên tiếng Anh của bản thân và bố mẹ, quốc tịch, mối quan hệ với người nợp đơn phải được ghi rõ.

Dù không nằm trong các quốc gia trong danh sách ví dụ, học sinh phải nộp giấy chứng nhận do chính phủ quốc gia đó cấp nêu rõ mối quan hệ của bản thân và bố mẹ, quốc tịch.

Trung Quốc: Sổ hộ khẩu / Philippines: Điều tra dân số gia đình / Indonesia: Giấy chứng nhận quan hệ gia đình (KARTU KELUARGA) / Bangladesh: Vé Jumper Kakkooz hoặc Jumper Side / **Việt Nam: Sổ hộ khẩu hoặc giấy khai sinh** / Mông Cổ: Giấy chứng nhận quan hệ họ hàng / Pakistan: Giấy chứng nhận gia đình / Sri Lanka: Giấy chứng nhận Paula / Myanmar: Giấy chứng nhận quan hệ gia đình (Ingthaungsusayen) / Nepal: Jeon Madalda / Kyrgyzstan, Kazakhstan, Uzbekistan, Ukraina, Thái Lan: Giấy khai sinh

05 / Học phí

Phân loại	Phí đăng ký	Học phí	Phí bảo hiểm	Phí đưa đón	Phí kí túc xá
Số tiền	50,000won	1,300,000won(1 học kỳ) 2,600,000won(2 học kỳ) 5,200,000won(4 học kỳ)	Khoảng 70,000won (7 tháng)	50,000won	Khoảng 940.000won (6 tháng, lại phòng căn hộ, 2 người 1 phòng)
Ghi chú	Không hoàn lại	-	Bảo hiểm công ty tư nhân đối với visa D-4, sau 6 tháng gia nhập bảo hiểm quốc dân bắt buộc	Thông báo riêng theo lịch trình	Phí ăn uống riêng biệt (Tiền ăn: 340,000won/1 bữa ăn, tuần 5 ngày ~980,000won/3 bữa ăn, tuần 7 ngày, tính theo tiêu chuẩn 6 tháng)
Tài khoản thanh toán	* Tên ngân hàng: 광주은행(KWANGJU BANK), 전남대학교지점 * Số tài khoản: 074-107-563921 * Người nhận: 전남대학교 언어교육원(CHONNAM NATIONAL UNIVERSITY)				Sau khi nhập cảnh, sinh viên trực tiếp thanh toán vào tài khoản ảo do ký túc xá cung cấp

06 / Yếu tố tuyển chọn

Lần 1	Sàng lọc hồ sơ	Đánh giá "P" và "F"
Lần 2	Sàng lọc phỏng vấn	Đánh giá "P" và "F"

- Sàng lọc hồ sơ: Sàng lọc hồ sơ thiếu sót, sàng lọc tính xác thực của hồ sơ

-Sàng lọc phỏng vấn: Được tiến hành qua cuộc gọi thoại, khi cần thiết có thể tiến hành cuộc gọi với phụ huynh

07 / Quy trình đăng ký

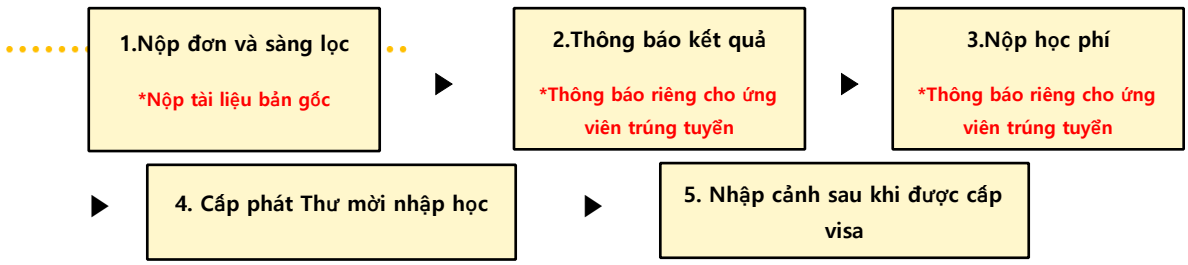

08 / Lưu ý dành cho ứng viên

1. Tất cả các ứng viên **phải nộp hồ sơ gốc trong thời gian nhận hồ sơ thông qua qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp**. Không xử lí đối với trường hợp hồ sơ không phải bản gốc (bản photo hay scan) hoặc gửi hồ sơ qua email. Các hồ sơ đến sau hạn chót nộp đơn cũng sẽ không được xử lý. Người nộp đơn phải chịu trách nhiệm với bất kì tai nạn nào phát sinh trong quá trình vận chuyển tài liệu.

-Địa chỉ: 광주광역시 북구 용봉로 77 G&R Hub 213호 전남대학교 언어교육원 한국어실 한국어정규강좌 입학담당자 앞 (우편번호: 61186)

2. Đối với đối tượng visa D-4-1, phải đăng ký 2 học kỳ (6 tháng) trở lên
3. Các quốc gia phải đăng ký 4 học kỳ (1 năm): **Các nước châu Phi, Bangladesh**, **Mông Cổ, Việt Nam, Myanmar, Nepal, Thái Lan, Kyrgyzstan, Kazakhstan, Uzbekistan, Philippines,** Campuchia, **Sri Lanka**, Syria, **Iran,** Turkmenistan, **Pakistan,** Afghanistan, **Ấn Độ**, Iraq, Yemen, **Indonesia**, **Ukraine**, **Ai Cập**, **Peru**, v.v.
4. Hủy bỏ đăng ký đối với trường hợp **không có visa kể từ ngày đăng ký cho đến ngày khai giảng**, hoặc trường hợp **sau ngày khai giảng 14 ngày nhưng không thể nhập cảnh Hàn Quốc**.
5. Người nợp đơn chịu trách nhiệm trực tiếp với mọi bất lợi (ví dụ hủy tư cách trúng tuyển...) do thiếu tài liệu cần thiết, thiếu sót hoặc nhầm lẫn trong mẫu đơn, không tuân thủ các yêu cầu của hướng dẫn đăng ký, địa chỉ không rõ ràng, thông tin liên lạc không chính xác, không tuân thủ thủ tục nhập cảnh...
6. **Trong quá trình sàng lọc, nếu cần thiết, có thể yêu cầu bổ sung các hồ sơ khác. Trường hợp không nộp bổ sung các hồ sơ yêu cầu, hoặc nộp không đầy đủ các hồ sơ bổ sung có thể bị loại khỏi quá trình sàng lọc.**
7. **Đối với các trường hợp không thể cấp phát lại giấy tờ bản gốc (giấy tốt nghiệp, giấy khai sinh, chứng nhận quan hệ gia đình...), nên nộp giấy tờ bản gốc công chứng của giấy chứng nhận hoặc bản có xác nhận của lãnh sự quán.**
8. Trong quá trình tuyển chọn, **người nộp đơn phải thường xuyên kiểm tra email và làm theo tất cả các hướng dẫn trong mail**. **Mọi bất lợi do không kiểm tra email, người nộp**

đơn phải chịu trách nhiệm.

9. Nếu phát hiện việc các hành vi bất chính như giả mạo tài liệu, nhờ người phỏng vấn hộ... việc trúng tuyển, nhập học sẽ bị hủy bỏ.
10. **Lệ phí ứng tuyển và các tài liệu đã nộp sẽ không được trả lại. Khi ứng tuyển, nhà trường sẽ mặc định rằng ứng viên đồng ý với việc không hoàn trả lại các tài liệu đã nộp.**
11. Ngay cả khi quá trình nhập học kết thúc, học sinh có thể được yêu cầu nộp thêm các tài liệu bổ sung để cấp hoặc thay đổi visa.
12. Ngay cả khi đã được nhà trường chấp nhận nhập học, nếu không được phép nhập cảnh vì phát sinh lý do bị loại do tư cách nộp đơn, bị từ chối cấp thị thực... việc nhập học sẽ bị hủy bỏ.
13. Về nguyên tắc, lý do bị loại sẽ không được công bố.
14. Bản hướng dẫn này được viết bằng tiếng Hàn, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Việt, nếu có sự khác biệt khi giải thích thì sẽ tuân theo nội dung trong bản tiếng Hàn.

서식 1 (Form 1)

전남대학교 한국어 정규강좌 지원서

(Application for Korean Language Program, Chonnam National University)

지원자 번호 Applicant's No.			
인적상황 Personal Information			
성명 Name	(한글 Korean)		3.5*4.5cm 흰색바탕의 여권용 사 (Size: 3.5cm (Background:
	(영어 English)		
성별 Gender		출생국가 Birth Country	
생년월일 Date of birth	(YYYY/MM/DD)	국적 Nationality	
여권번호 Passport No.		외국인등록번호 Alien registration No.	
연락처 Contact Info.	주소 Address		
	전화번호 Phone Number		
	이메일 E-mail		
비상연락처 Emergency Contact	주소 Address		
	전화번호 Phone Number		

지원사항 Details of Application				
학기 Semester	☐ 봄 Spring	☐ 여름 Summer	☐ 가을 Fall	☐ 겨울 Winter
기숙사 신청 Dormitory	☐ 신청 YES		☐ 미신청 NO	

교육사항 / 출신학교 Education: Academic History starting from High School			
학력 Study record	학교명 Name of school	재학일자 From-To	비고 Notes
고등학교 High school			
대학교 University			

가족사항 Family Background						
성명 Name	관계 Relations	생년월일 Date of Birth	직업 및 직장 Job and workplace			연락 Mobile
			직장명 Name of workplace	재직기간 Period of career	직위 Position	
		(YYYY/MM/DD)				
		(YYYY/MM/DD)				

기타 Additional Information	
지원 경로 Application Route	☐ 유학원 Agency ☐ 인터넷 Internet ☐ 친구소개 Acquaintance/friends ☐ 기타
한국어 학습시간 Korean study time	☐ Approx. ( ) 시간 hours
향후 계획 Future plans	☐ 학부/대학원 진학 Admission to Univ. ☐ 귀국 Return to Home country ☐ 기타

상기 입학원서 및 제출하는 서류의 모든 내용은 사실이며, 추후 본 서류에서 허위 또는 잘못 기재된 사실이 있을 경우 교의 결정에 따를 것을 서약합니다.

I affirm that the information I have provided on this application, including personal statements and any other inf is complete and accurate and is my own work. I understand that submission of incomplete or inaccurate inform sufficient cause for revocation of admission or enrollment.

날짜 Date: (YYYY/MM/DD)

지원자 성명 Name of applicant: (서명 Signature)

전남대학교 언어교육원장 귀하

서식 2 (Form 2)

자기소개서 및 수학계획서
Self-introduction & Study Plan

성장과정, 수상경력, 관심분야, 지원동기, 입학 후 학습계획, 장래희망 등을 종합적으로 기록 Include how you have developed and matured as a person and student while listing your motives for applying, study plans while at CNU, and plans upon graduation. You may also list any awards, scholarships, or prizes you have received.

상기 내용은 사실이며, 지원자 본인이 작성하였음을 확인합니다.

I hereby certify that the information provided above is true and correct to the best of my knowledge and ha been written by me.

날짜 Date: (YYYY/MM/DD)

지원자 성명 Name of applicant: (서명 Signature)

서식 3 (Form 3)

지원자 서류 체크리스트

Checklist for Application Documents

지원자명 Applicant's name	

서류 확인 후 Yes 또는 No 에 체크하여 주시기 바랍니다. Please mark (√) in the appropriate box.

	제출서류 Application Documents	제출여부 Submission status	
		Yes 네	No 아니요
1	1-1. 지원서 1부 Application Form 1-2. 자기소개서 및 수학계획서 Self-introduction & Study Plan 1-3. 지원자 제출서류 체크리스트 Check List for Application Documents 1-4 개인정보 이용 및 제공 사전 동의서 Consent Form for Personal Information Collection and Use		
2	여권 사본 1부 A Copy of passport		
3	재정능력입증서류 원본 1부 Certificate of bank deposit balance * 본인 또는 부모님 명의의 8,000,000원 이상 은행잔고증명서 원본 Original copy of bank statement showing over KRW 8,000,000 under the name of the applicant or applicant's parents		
4	최종학력증명서 또는 재학증명서 원본 1부 A copy of graduation certificate from highest education level * 반드시 아포스티유 혹은 재외공관 영사 확인을 받은 입증서류 제출할 것 Must be apostilled or notarized by a consulate abroad		
5	최종학력 성적 증명서 1부 Transcripts from highest education level		
6	가족관계 입증서류(출생 증명 내역 포함) 사본 1부 Proof of family relations (induding proof of birth)		
7	자국 신분증 사본(본인 및 부모님) 1부 Copies of the applicant and parents' identification in your country		
8	부모님의 재직증명서 및 수입증명서 원본, 사업자등록증 사본 1부 Parents' employment certificate and income certificate or business registration certificate * 현지 회사 주소 및 연락 가능한 전화번호 반드시 기입 Make sure to fill in the local company's phone number and address		
9	흰색 바탕의 사진 2장 (3.5*4.5cm) 2 Photo (3.5*4.5cm in size, white background) * 귀와 눈썹이 잘 보여야 함. Ears and eyebrows should be clearly visible		
10	(최종학력 졸업 후 1년 이상 경과자의 경우) 공백 기간의 재학, 재직, 경력 등 증명서류 (For an applicant with more than a year of post-graduation gap) A certificate of activities during the gap period such as enrollment, employment, or work experience * 증명서상 기관 연락처 및 주소 필히 명시 Make sure to fill in the phone number and/or address of institute where the documents are issued		
	한국 내 신청자 추가 제출 서류 Applicants residing in South Korea		
1	(한국 내 신청자의 경우) 외국인등록증 앞, 뒷면 사본 (For an applicant residing in South Korea) A copy of the Alien Registration Card (front and back)		

반드시 위의 체크리스트 순서대로 정렬하여 제출해 주시기 바랍니다.

The application documents must be submitted in the order of the checklist as above.

서식 4 (Form 4)

개인정보 이용 및 제공 사전 동의서 Consent Form for Personal Information Collection and Use

☐ **개인정보 수집 및 이용 목적 Purpose of personal information collection and use**

전남대학교 언어교육원은 한국어 정규 강좌 원서 접수 및 입학 전형을 위해 개인정보를 수집 및 이용하고 있고, 이 외의 다른 목적에는 절대 사용되지 않습니다. This will ONLY be used for an application and admission process of the Korean Regular Course at the Language Education Center of Chonnam National University.

☐ **개인정보 수집 및 이용에 대한 동의 Consent on personal information collection and use**

1. 개인정보의 종류 Types of personal information

이름, 국적, 성별, 생년월일, 주소, 전화번호, 이메일, 추가 연락처, 출신지역, 학력 정보 등 Full name, nationality, gender, date of birth, address, phone number, e-mail address, additional contact info., region of birth, and academic background etc.

2. 개인정보의 수집 및 이용 목적 Purpose for personal information collection and use

입학 전형(학력 조회, 제출서류 진위여부 등), 사증 관련 업무, 보험 가입, 기타 필요하다고 판단되는 각종 업무

Personal Information will be used for an admission process (check on academic background, authenticity of the document, etc.), visa-related work, insurance registration, and any other necessary work.

3. 개인정보의 보유 및 이용 기간 Possession and utilization period of personal information

개인정보 보유기간의 경과, 처리 목적 달성 등 개인정보가 불필요하게 되었을 때 Until the purpose of its collection and use is fulfilled.

4. 동의를 거부할 권리 및 동의를 거부할 경우의 불이익 Disadvantage in case of refusal

동의하지 않을 경우 입학 지원 불가 If you disagree on personal information collection and use, you may not be able to submit your application

개인정보 수집 및 이용에 동의하십니까? Do you agree on personal information collection and use? ☐ **동의함 Agree**

☐ **고유식별정보 수집 및 이용에 대한 동의 Consent on unique identifying information collection and use**

1. 고유식별정보의 종류 Types of unique identifying information

외국인등록번호(해당자에 한함), 여권번호 Alien registration number (if applicable), passport number

2. 고유식별정보의 수집 및 이용 목적 Purpose for unique identifying information collection and use

입학 전형(학력 조회, 제출서류 진위여부 등), 사증 관련 업무, 보험 가입, 기타 필요하다고 판단되는 각종 업무

Personal Information will be used for an admission process (check on academic background, authenticity of the document, etc.), visa-related work, insurance registration, and any other necessary work.

3. 고유식별정보의 보유 및 이용 기간 Possession and utilization period of unique identifying information

고유식별정보 보유기간의 경과, 처리 목적 달성 등 개인정보가 불필요하게 되었을 때 Until the purpose of its collection and use is fulfilled.

4. 동의를 거부할 권리 및 동의를 거부할 경우의 불이익 Disadvantage in case of refusal

동의하지 않을 경우 입학 지원서 불가 If you disagree on personal information collection and use, you may not be able to submit your application.

고유식별정보처리에 동의하십니까? Do you agree on unique identifying information collection and use? ☐ **동의함 Agree**

☐ **개인정보 제3자 제공에 대한 동의 Consent on providing personal information to third parties**

1. 개인정보를 제공받는 자 A third party who receives personal information

법무부 출입국 관리 사무소, 보험회사, 도서관 Immigration office under Ministry of justice, Insurance company, Library

2. 제공하는 개인 정보 종류 Type of released information

성명, 국적, 성별, 생년월일, 여권번호, 주소, 연락처, 학력 등

Full name, nationality, gender, date of birth, passport number, address, phone number, academic background etc.

3. 제공받는 자의 보유 및 이용 기간 Receiver's possession and utilization period

제공받는 자의 이용목적 달성시 Until the receiver's purpose of use is fulfilled

4. 동의를 거부할 권리 및 동의를 거부할 경우의 불이익 Disadvantage in case of refusal

동의하지 않을 경우 입학 지원 불가 If you disagree on personal information collection and use, you may not be able to submit your application

개인정보의 제3자 제공에 동의하십니까? Do you agree on provision of personal information to a third party? ☐ **동의함 Agree**

※ 만 19세 미만 미성년자인 경우 반드시 법정대리인의 동의가 필요함 If you are underage, agreement of legal representative required.

본인은 상기 내용을 읽고 명확히 이해하였으며, 이에 동의합니다.

I have read and clearly understood and agree to the above.

날짜 Date (YYYY/MM/DD) : 지원자 성명 Name of applicant: (서명 Signature)

법정대리인 성명 Name of legal representative: (서명 Signature) /관계 relationship with applicant: